

UBND QUẬN CẨM LỆ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGUYỄN CÔNG TRÚ

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
NĂM HỌC: 2024-2025
MA TRẬN
MÔN: TOÁN - LỚP: 7

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số hữu tỉ (14 tiết)	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ	2 (0,5đ)								52,5
		Các phép tính với số hữu tỉ.	2 (0,5đ)	1 (0,5đ)		4 (2đ)	1 (0,25đ)	2 (1đ)		1 (0,5đ)	
2	Số thực (10 tiết)	STPVHTH Làm tròn số thập phân	1 (0,25đ)		1 (0,25đ)						32,5
		Số vô tỉ. Căn bậc hai số học. Số thực.	3 (0,75đ)	1 (1đ)	1 (0,25đ)		1 (0,25đ)	1 (0,5đ)			
3	Góc và đường thẳng song song (3 tiết)	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc.		2 (0,5đ)		1 (0,5đ)		1 (0,5đ)			15
Tổng			8 (2đ)	4 (2đ)	2 (0,5đ)	5 (2,5đ)	2 (0,5đ)	4 (2đ)		1 (0,5đ)	

Tỉ lệ %	40%	30%	25%	5%	100
Tỉ lệ chung	70%		30%		100

UBND QUẬN CẨM LÊ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGUYỄN CÔNG TRÚ

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
NĂM HỌC: 2024 - 2025
BẢN ĐẶC TẢ
MÔN: TOÁN - LỚP: 7

TT	Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Số hữu tỉ	<i>Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ</i>	Nhận biết: - Nhận biết được số hữu tỉ . - Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ.	2(TN)			
		<i>Các phép tính với số hữu tỉ</i>	Nhận biết: - Công thức các phép tính lũy thừa - Các phép tính đơn giản Thông hiểu: - Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó. - Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ. Vận dụng: - Vận dụng được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ để giải quyết bài toán thực tế.	2(TN) 1(TL)	4(TL)	1(TN) 2TL	

			- Vận dụng phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ để tính. Vận dụng cao: – Vận dụng các phép toán đã học để giải quyết bài toán thực tế.				1(TL)
2	Số thực	<i>STPVHTH</i> <i>Làm tròn số thập phân</i>	Nhận biết: - Nhận biết được STPHH, STPVHTH. Thông hiểu: - Làm tròn số hữu tỉ với độ chính xác cho trước.	1(TN)	1(TN)		
		<i>Số vô tỉ. Căn bậc hai số học. Số thực.</i>	Nhận biết: – Nhận biết được số hữu tỉ, số vô tỉ. - Nhận biết kí hiệu của tập hợp số thực, số hữu tỉ. - Nhận biết giá trị tuyệt đối của một số cho trước. Thông hiểu: - Tính được độ dài cạnh của hình vuông khi biết diện tích cho trước. Vận dụng: - Vận dụng các phép toán đã học để tính giá trị biểu thức và tìm x.	3(TN) 1(TL)	1TN	1TN 1(TL)	
	Góc và đường thẳng song song	<i>Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc</i>	Nhận biết: – Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh, hai góc đồng vị). – Nhận biết được tia phân giác của một góc.	1TL			

3			Thông hiểu: - Tính được số đo góc cơ bản. Vận dụng: - Áp dụng tính chất tia phân giác của một góc để tính số đo góc.		1TL		1(TL)	
---	--	--	---	--	-----	--	-------	--

ĐỀ A

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Hãy chọn câu trả lời đúng nhất.

Câu 1: Phân số viết được dưới dạng số thập phân hữu hạn là:

- A. $\frac{1}{2}$ B. $\frac{-1}{21}$ C. $\frac{10}{24}$ D. $\frac{5}{7}$

Câu 2: Kết quả của phép tính $\frac{-1}{4} + \frac{2}{3}$ là:

- A. $\frac{1}{7}$ B. $\frac{5}{12}$ C. $\frac{-11}{12}$ D. $\frac{-1}{6}$

Câu 3: Kết quả của phép tính $\left(\frac{-2}{5}\right)^2$ là:

- A. $\frac{4}{5}$ B. $\frac{4}{25}$ C. $\frac{-4}{5}$ D. $\frac{-4}{25}$

Câu 4: Trong các số $\frac{2}{3}; \frac{-6}{7}; \frac{0}{-11}; \frac{-4}{-9}; \frac{3}{-2}; -5$, có bao nhiêu số hữu tỉ âm?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 5: Với $x = -2,3$ thì giá trị tuyệt đối của x là:

- A. 0 B. 1 C. $-2,3$ D. $2,3$

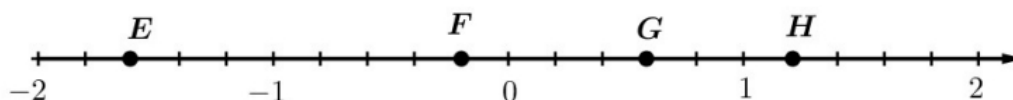
Câu 6: Tập hợp các số thực được kí hiệu là

- A. $\mathbb{N}$ B. $\mathbb{Z}$ C. $\mathbb{Q}$ D. $\mathbb{R}$

Câu 7: Cho các số $2,(3); -2,5; \sqrt{3}; 1$. Số vô tỉ là

- A. $2,(3)$ B. $-2,5$ C. $\sqrt{3}$ D. 1

Câu 8: Quan sát trục số sau và cho biết điểm nào biểu diễn số hữu tỉ $\frac{6}{5}$?



- A. Điểm E B. Điểm F C. Điểm G D. Điểm H

Câu 9: Làm tròn số 2,1752 với độ chính xác 0,005 là

- A. 2,17 B. 2,175 C. 2,18 D. 2,2

Câu 10: Độ dài cạnh hình vuông có diện tích bằng $4m^2$ là:

- A. 2m B. 1m C. 16m D. 4m

Câu 11: Để làm một cái bánh cần $2\frac{3}{5}$ cốc bột. Lan đã có $1\frac{2}{3}$ cốc bột. Hỏi Lan cần thêm bao nhiêu cốc bột nữa để vừa đủ làm được một cái bánh?

- A. $1\frac{1}{3}$ B. $\frac{14}{15}$ C. $\frac{8}{15}$ D. $\frac{64}{15}$

Câu 12: Nếu $\sqrt{x} = 3$ thì x^2 có giá trị là:

- A. 3 B. 9 C. 81 D. $\sqrt{3}$

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1: (1 điểm) Điền $\in, \notin$ vào chỗ trống:

- a) $\sqrt{7} \dots \mathbb{I}$ b) $\frac{3}{10} \dots \mathbb{Z}$ c) $0 \dots \mathbb{R}$ d) $\pi \dots \mathbb{Q}$

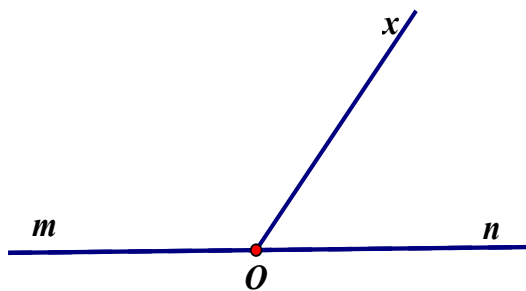
Câu 2: (2 điểm) Tính:

- a) $\left(\frac{3}{2}\right)^{2025} : \left(\frac{3}{2}\right)^{2023}$ c) $\frac{7}{15} - \left(\frac{7}{15} + \frac{19}{23}\right) + \left(2 - \frac{4}{23}\right)$
 b) $-1,75 + \frac{1}{5} : \frac{2}{5}$ d) $\frac{4^{21} \cdot 3^7}{2^{39} \cdot 9^3}$

Câu 3: (1,5 điểm) Tìm x:

- a) $x + \frac{3}{4} = \frac{1}{7}$ b) $\left(\frac{3}{5}\right)^x = \frac{9}{25}$ c) $|x - 2,3| = \frac{1}{5}$

Câu 4: (1,5 điểm) Cho hình vẽ, biết $\widehat{xOn} = 58^\circ$:



- a) Hãy kể tên cặp góc kề bù trong hình bên.
 b) Tính số đo góc mOx..
 c) Vẽ tia Oy là tia phân giác của góc xOn. Tính số đo góc yOm.

Câu 5: (1 điểm) Giá niêm yết một cái áo mã A120 tại một cửa hàng A là 800 000 đồng. Nhân dịp 20/10 cửa hàng giảm 20% cho tất cả các sản phẩm theo giá niêm yết.

- a) Hỏi giá một cái áo mã A120 sau khi được giảm là bao nhiêu tiền?
 b) Trong đợt giảm giá này, cửa hàng giảm thêm 20% trên giá đã giảm đối với khách hàng có thẻ thành viên. Mẹ Bình mua một cái áo mã A120 và một áo khoác với số tiền là 1 040 000 đồng. Hỏi áo khoác mẹ Bình mua có giá niêm yết là bao nhiêu, biết mẹ Bình mua trong đợt giảm giá và có thẻ thành viên cửa hàng.

.....**HẾT**.....

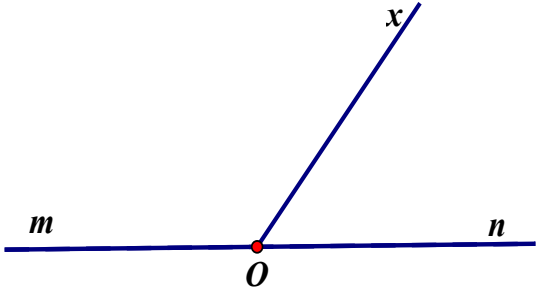
ĐỀ A

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi câu làm đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	B	B	C	D	D	C	D	C	A	B	C

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (1 đ)	Điền $\in, \notin$ vào chỗ trống: a) $\sqrt{7} \in \mathbb{I}$ b) $\frac{3}{10} \notin \mathbb{Z}$ c) $0 \in \mathbb{R}$ d) $\pi \notin \mathbb{Q}$	0,25
Câu 2 (2 đ)	a) $\left(\frac{3}{2}\right)^{2025} : \left(\frac{3}{2}\right)^{2023} = \left(\frac{3}{2}\right)^2 = \frac{9}{4}$ $\frac{7}{15} - \left(\frac{7}{15} + \frac{19}{23}\right) + \left(2 - \frac{4}{23}\right)$ c) $= \frac{7}{15} - \frac{7}{15} - \frac{19}{23} + 2 - \frac{4}{23}$ $= 1$ $-1,75 + \frac{1}{5} : \frac{2}{5}$ b) $= -1,75 + \frac{1}{2} = -1,75 + 0,5 = -1,25$ d) $\frac{4^{21} \cdot 3^7}{2^{39} \cdot 9^3} = \frac{2^{2 \cdot 21} \cdot 3^7}{2^{39} \cdot 3^{2 \cdot 3}} = \frac{2^{42} \cdot 3^7}{2^{39} \cdot 3^6} = 2^3 \cdot 3 = 24$	0,5 0,5 0,5 0,5
Câu 3 (1,5 đ)	a) $x + \frac{3}{4} = \frac{1}{7}$ $x = \frac{1}{7} - \frac{3}{4} = \frac{-17}{28}$	0,5 0,5

	$\left(\frac{3}{5}\right)^x = \frac{9}{25}$ b) $\left(\frac{3}{5}\right)^x = \left(\frac{3}{5}\right)^2$ $x = 2$ $ x - 2,3 = \frac{1}{5}$ c) $x - 2,3 = 0,2 \vee x - 2,3 = -0,2$ $x = 2,5 \vee x = 2,1$	0,5
Câu 4 (2 đ)	Cho hình vẽ:  a) Cặp góc kề bù là góc mOx và góc xOn. b) Tính số đo góc mOx biết $\widehat{xOn} = 58^\circ$ Vì góc mOx và góc xOn là hai góc kề bù nên $\widehat{mOx} + \widehat{xOn} = 180^\circ$ $\widehat{mOx} = 180^\circ - 58^\circ = 122^\circ$ c) Vẽ tia Oy là tia phân giác của góc xOn. Tính số đo góc yOm. Vẽ đúng tia phân giác. Vì tia Oy là tia phân giác của góc xOn nên $\widehat{xOy} = \widehat{yOn} = 58^\circ : 2 = 29^\circ$ Ta có: $\widehat{mOy} = \widehat{mOx} + \widehat{xOy} = 151^\circ$	0,25 0,5 0,25 0,25 0,25
Câu 5 (0,5 đ)	Giá niêm yết một cái áo mã A120 tại một cửa hàng A là 800 000 đồng. Nhân dịp 20/10 cửa hàng giảm 20% cho tất cả các sản phẩm theo giá niêm yết. a) Hỏi giá một cái áo mã A120 sau khi được giảm là bao nhiêu tiền? b) Trong đợt giảm giá này, cửa hàng giảm thêm 20% trên giá đã giảm đối với khách hàng có thẻ thành viên. Mẹ Bình mua một cái áo mã A120 và một áo khoác với số tiền là 1 040 000 đồng. Hỏi áo	0,5

	khoác mẹ Bình mua có giá niêm yết là bao nhiêu, biết mẹ Bình mua trong đợt giảm giá và có thẻ thành viên cửa hàng. a) Giá một cái áo mã A120 sau khi được giảm là: $800000 - 800000.20\% = 640000$ (đồng) b) Áo khoác mẹ Bình mua có giá niêm yết là: $1040000 : (100\% - 20\%) : (100\% - 20\%) - 800000 = 825000$ (đồng).	
--	--	--

Chú ý: Mọi cách giải khác đúng vẫn cho điểm tối đa của phần đó, câu đó.

.....**HẾT**.....

Đối với HSKT:

Trắc nghiệm: HSKT không làm câu 11;12

Làm 10 câu còn lại – 5 điểm: Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Tự luận: 4 câu – 5 điểm (HSKT chỉ làm câu 1; câu 2a,b; câu 3a,b; câu 4a,b)

Câu 1 – 1 điểm

Câu 2a – 0,5 điểm

Câu 2b – 0,5 điểm

Câu 3a – 0,5 điểm

Câu 3b – 0,5 điểm

Câu 4a – 0,5 điểm

Câu 4 b – 0,5 điểm

ĐỀ B

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Hãy chọn câu trả lời đúng nhất.

Câu 1: Phân số viết được dưới dạng số thập phân hữu hạn là:

- A. $\frac{1}{23}$ B. $\frac{-1}{21}$ C. $\frac{10}{4}$ D. $\frac{5}{70}$

Câu 2: Kết quả của phép tính $\frac{-1}{4} - \frac{2}{3}$ là:

- A. $\frac{-5}{12}$ B. $\frac{5}{12}$ C. $\frac{-11}{12}$ D. $\frac{-1}{6}$

Câu 3: Kết quả của phép tính $\left(\frac{-3}{5}\right)^2$ là:

- A. $\frac{9}{25}$ B. $\frac{9}{5}$ C. $\frac{-9}{5}$ D. $\frac{-9}{25}$

Câu 4: Trong các số $\frac{2}{3}; \frac{-6}{7}; \frac{0}{-11}; \frac{-4}{-9}; \frac{3}{-2}; -5$, có bao nhiêu số hữu tỉ dương?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 5: Với $x = 5,3$ thì giá trị tuyệt đối của x là:

- A. 0 B. 1 C. 5,3 D. -5,3

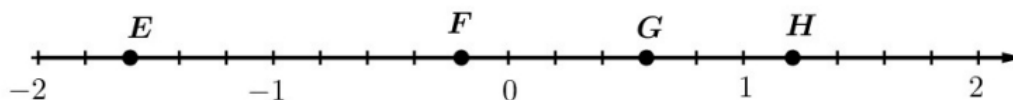
Câu 6: Tập hợp các số hữu tỉ được kí hiệu là

- A. $\mathbb{N}$ B. $\mathbb{Z}$ C. $\mathbb{Q}$ D. $\mathbb{R}$

Câu 7: Cho các số $2, (3); -\sqrt{2}; \sqrt{3}; \pi$. Số hữu tỉ là

- A. $2, (3)$ B. $-\sqrt{2}$ C. $\sqrt{3}$ D. π

Câu 8: Quan sát trục số sau và cho biết điểm nào biểu diễn số hữu tỉ $\frac{-1}{5}$?



- A. Điểm E B. Điểm F C. Điểm G D. Điểm H

Câu 9: Làm tròn số 2,1752 với độ chính xác 0,05 là

- A. 2,17 B. 2,175 C. 2,18 D. 2,2

Câu 10: Độ dài cạnh hình vuông có diện tích bằng $400m^2$ là:

- A. 20m B. 100m C. 1600m D. 160000m

Câu 11: Để làm một cái bánh cần $2\frac{3}{5}$ cốc bột. Lan đã có $1\frac{1}{3}$ cốc bột. Hỏi Lan cần thêm bao nhiêu cốc bột nữa để vừa đủ làm được một cái bánh?

- A. $1\frac{1}{5}$ B. $\frac{14}{15}$ C. $\frac{59}{15}$ D. $\frac{19}{15}$

Câu 12: Nếu $\sqrt{x} = 2$ thì x^2 có giá trị là:

- A. 2 B. 4 C. 16 D. $\sqrt{2}$

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1: (1điểm) Điền $\in, \notin$ vào chỗ trống:

- a) $\sqrt{7} \dots \mathbb{R}$ b) $\frac{5}{12} \dots \mathbb{I}$ c) $0 \dots \mathbb{Q}$ d) $\pi \dots \mathbb{Q}$

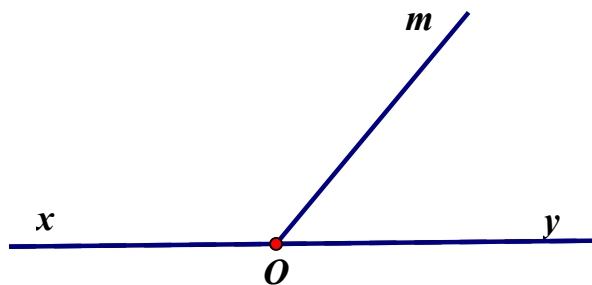
Câu 2: (2 điểm) Tính:

- a) $\left(\frac{2}{3}\right)^{2025} : \left(\frac{2}{3}\right)^{2023}$ c) $\frac{17}{15} - \left(\frac{17}{15} + \frac{17}{19}\right) + \left(5 - \frac{2}{19}\right)$
b) $-1,25 - \frac{3}{5} : \frac{2}{5}$ d) $\frac{4^{23} \cdot 3^8}{2^{45} \cdot 9^3}$

Câu 3: (1,5 điểm) Tìm x:

- a) $x + \frac{2}{3} = \frac{3}{7}$ b) $\left(\frac{3}{7}\right)^x = \frac{9}{49}$ c) $|x + 2,3| = \frac{1}{5}$

Câu 4: (1,5 điểm) Cho hình vẽ, biết $\widehat{xOm} = 132^\circ$:



- a) Hãy kể tên cặp góc kề bù trong hình bên.
b) Tính số đo góc mOy.
c) Vẽ tia Ot là tia phân giác của góc xOm.
Tính số đo góc yOt.

Câu 5: (1 điểm) Giá niêm yết một cái áo mã A120 tại một cửa hàng A là 850 000 đồng. Nhân dịp 20/10 cửa hàng giảm 20% cho tất cả các sản phẩm theo giá niêm yết.

- a) Hỏi giá một cái áo mã A120 sau khi được giảm là bao nhiêu tiền?
b) Trong đợt giảm giá này, cửa hàng giảm thêm 20% trên giá đã giảm đối với khách hàng có thẻ thành viên. Mẹ Bình mua một cái áo mã A120 và một áo khoác với số tiền là 1 072 000 đồng. Hỏi áo khoác mẹ Bình mua có giá niêm yết là bao nhiêu, biết mẹ Bình mua trong đợt giảm giá và có thẻ thành viên cửa hàng.

.....**HẾT**.....

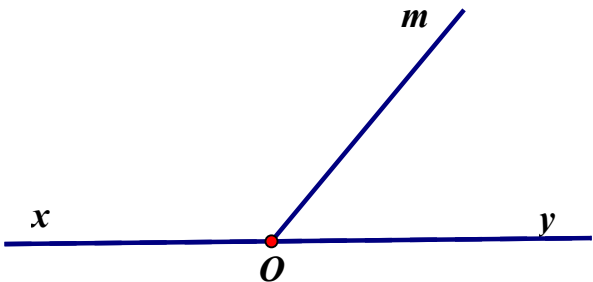
ĐỀ B

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi câu làm đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	C	A	B	C	D	A	B	D	A	D	C

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (1 đ)	Điền $\in, \notin$ vào chỗ trống: a) $\sqrt{7} \in \mathbb{R}$ b) $\frac{5}{12} \notin \mathbb{I}$ c) $0 \in \mathbb{Q}$ d) $\pi \notin \mathbb{Q}$	0,25
Câu 2 (2 đ)	a) $\left(\frac{2}{3}\right)^{2025} : \left(\frac{2}{3}\right)^{2023} = \left(\frac{2}{3}\right)^2 = \frac{4}{9}$ $\frac{17}{15} - \left(\frac{17}{15} + \frac{17}{19}\right) + \left(5 - \frac{2}{19}\right)$ c) $= \frac{17}{15} - \frac{17}{15} - \frac{17}{19} + 5 - \frac{2}{19}$ $= 4$ $-1,25 - \frac{3}{5} : \frac{2}{5}$ b) $= -1,25 - \frac{3}{2} = -2,75$ d) $\frac{4^{23} \cdot 3^8}{2^{45} \cdot 9^3} = \frac{2^{2 \cdot 23} \cdot 3^8}{2^{45} \cdot 3^{2 \cdot 3}} = \frac{2^{46} \cdot 3^8}{2^{45} \cdot 3^6} = 2 \cdot 3^2 = 18$	0,5 0,5 0,5 0,5
Câu 3 (1,5 đ)	a) $x + \frac{2}{3} = \frac{3}{7}$ $x = \frac{3}{7} - \frac{2}{3} = \frac{-5}{21}$	0,5

	$\left(\frac{3}{7}\right)^x = \frac{9}{49}$ b) $\left(\frac{3}{7}\right)^x = \left(\frac{3}{7}\right)^2$ $x = 2$ $ x + 2,3 = \frac{1}{5}$ c) $x + 2,3 = 0,2 \vee x + 2,3 = -0,2$ $x = -2,1 \vee x = -2,5$	0,5
		0,5
Câu 4 (2 đ)	 a) Cặp góc kề bù là góc mOx và góc mOy. b) Tính số đo góc mOy biết $\widehat{xOm} = 132^\circ$ Vì góc mOx và góc mOy là hai góc kề bù nên $\widehat{mOx} + \widehat{mOy} = 180^\circ$ $\widehat{mOy} = 180^\circ - 132^\circ = 48^\circ$ c) Vẽ tia Ot là tia phân giác của góc xOm. Tính số đo góc yOt. Vẽ đúng tia phân giác. Vì tia Ot là tia phân giác của góc xOm nên $\widehat{xOt} = \widehat{tOm} = 132^\circ : 2 = 66^\circ$ Ta có: $\widehat{tOy} = \widehat{mOt} + \widehat{mOy} = 114^\circ$	0,25
		0,5
		0,25
		0,25
Câu 5 (0,5 đ)	Giá niêm yết một cái áo mã A120 tại một cửa hàng A là 850 000 đồng. Nhân dịp 20/10 cửa hàng giảm 20% cho tất cả các sản phẩm theo giá niêm yết. a) Hỏi giá một cái áo mã A120 sau khi được giảm là bao nhiêu tiền? b) Trong đợt giảm giá này, cửa hàng giảm thêm 20% trên giá đã giảm đối với khách hàng có thẻ thành viên. Mẹ Bình mua một cái áo mã A120 và một áo khoác với số tiền là 1 072 000 đồng. Hỏi áo khoác mẹ Bình mua có giá niêm yết là bao nhiêu, biết mẹ Bình	0,5

	mua trong đợt giảm giá và có thể thành viên cửa hàng. a) Giá một cái áo mã A120 sau khi được giảm là: $850000 - 850000 \cdot 20\% = 680000$ (đồng) b) Áo khoác mẹ Bình mua có giá niêm yết là: $1072000 : (100\% - 20\%) : (100\% - 20\%) - 850000 = 825000$ (đồng).	
--	---	--

Chú ý: Mọi cách giải khác đúng vẫn cho điểm tối đa của phần đó, câu đó.

.....**HẾT**.....

Đối với HSKT:

Trắc nghiệm: HSKT không làm câu 11;12

Làm 10 câu còn lại – 5 điểm: Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Tự luận: 4 câu – 5 điểm (HSKT chỉ làm câu 1; câu 2a,b; câu 3a,b; câu 4a,b)

Câu 1 – 1 điểm

Câu 2a – 0,5 điểm

Câu 2b – 0,5 điểm

Câu 3a – 0,5 điểm

Câu 3b – 0,5 điểm

Câu 4a – 0,5 điểm

Câu 4 b – 0,5 điểm